

Đơn vị : Cty CP Sơn tổng hợp Hà nội

# **BÁO CÁO**

# **TÀI CHÍNH**

**Quý : IV/2025**

**Năm: 2025**



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu B 01 - DN (Ban hành theo Thông tư số 200 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2025	12/31/2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>206,497,587,588</b>	<b>208,582,994,867</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)</b>	<b>110</b>		<b>45,338,264,496</b>	<b>63,111,757,334</b>
1. Tiền	111	V.01	45,338,264,496	63,111,757,334
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 129)</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>58,000,000,000</b>	<b>52,000,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		58,000,000,000	52,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + 133 + 134 + 135 + 139)</b>	<b>130</b>		<b>17,467,689,324</b>	<b>24,295,744,542</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		16,320,693,948	23,469,511,755
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		405,425,000	177,736,897
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	764,752,546	648,495,890
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(23,182,170)	-
<b>IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)</b>	<b>140</b>		<b>84,017,808,497</b>	<b>69,053,625,741</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	85,001,766,677	69,053,625,741
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(983,958,180)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + 154 + 158)</b>	<b>150</b>		<b>1,673,825,271</b>	<b>121,867,250</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		332,314,425	121,867,250
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	V.05	1,341,510,846	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>20,226,104,291</b>	<b>20,239,750,619</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + 213 + 218 + 219)</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2025	12/31/2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214	V.06	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
4. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227 + 230)</b>	<b>220</b>		<b>19,260,060,070</b>	<b>19,027,255,763</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)</b>	<b>221</b>	<b>V.08</b>	<b>9,699,869,167</b>	<b>8,731,305,812</b>
- Nguyên giá	222		100,841,114,040	98,826,471,657
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(91,141,244,873)	(90,095,165,845)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)</b>	<b>224</b>	<b>V.09</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)</b>	<b>227</b>	<b>V.10</b>	<b>9,560,190,903</b>	<b>10,295,949,951</b>
- Nguyên giá	228		18,732,149,311	18,732,149,311
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(9,171,958,408)	(8,436,199,360)
<b>III. Bất động sản đầu tư (240 = 241 + 242)</b>	<b>230</b>	<b>V.12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + 252 + 258 + 259)</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 268)</b>	<b>260</b>		<b>966,044,221</b>	<b>1,212,494,856</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	966,044,221	1,212,494,856
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>226,723,691,879</b>	<b>228,822,745,486</b>



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2025	12/31/2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>29,432,728,822</b>	<b>32,188,700,554</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 319 + 320 + 323)</b>	<b>310</b>		<b>29,432,728,822</b>	<b>32,188,700,554</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	6,688,514,017	7,836,154,038
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,756,798,652	3,471,120,263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		1,729,725,170	1,235,309,479
4. Phải trả người lao động	314	V.16	8,598,341,370	7,885,425,417
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1,211,054,349	1,707,259,372
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.17	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		4,346,538,059	6,816,309,008
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4,101,757,205	3,237,122,977
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 338 + 339)</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.19	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả dài hạn nội bộ	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.21	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>197,290,963,057</b>	<b>196,634,044,932</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>197,290,963,057</b>	<b>196,634,044,932</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120,270,860,000	120,270,860,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14,060,000,000	14,060,000,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2025	12/31/2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		38,151,435,908	38,151,435,908
9. Quỹ dự phòng tài chính	419		1,044,361,588	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3,290,158,674	3,290,158,674
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20,474,146,887	20,861,590,350
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10,613,014	88,691,534
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20,463,533,873	20,772,898,816
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>226,723,691,879</b>	<b>228,822,745,486</b>

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đỗ Minh Tâm

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thu Hà

Hà nội, Ngày 16 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Anh



# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu B 02 - DN (Ban hành theo Thông tư số 200 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2025	Quý IV năm 2024	Lũy kế 12 tháng năm 25	Lũy kế 12 tháng năm 24
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)	(4)	(4)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	116,745,171,354	122,522,167,988	463,229,817,881	417,500,932,846
2. Các khoản giảm trừ	02		10,151,535,498	167,068,515	30,172,928,209	167,068,515
- Giảm trừ ngay khi bán						
- Giảm trừ sau khi bán			10,151,535,498	167,068,515	30,172,928,209	167,068,515
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02 )	10		106,593,635,856	122,355,099,473	433,056,889,672	417,333,864,331
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	86,141,523,730	92,092,431,259	360,648,449,325	345,764,918,706
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 - 11 )	20		20,452,112,126	30,262,668,214	72,408,440,347	71,568,945,625
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	740,571,640	-142,570,594	2,790,872,155	2,557,221,803
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	820,683,287	2,426,597,473	3,747,672,957	2,305,509,473
- Trong đó : Lãi vay phải trả	23					
8. Chi phí bán hàng	24		7,123,249,781	5,225,619,627	17,333,114,362	14,396,360,268
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8,593,845,484	10,354,614,747	28,267,974,238	30,129,706,381
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + ( 21- 22 ) - ( 24 + 25 )]	30		4,654,905,214	12,113,265,773	25,850,550,945	27,294,591,306
11. Thu nhập khác	31		27,280,628	16,660,513	50,007,901	16,660,513
12. Chi phí khác	32		62,525,534	716,283,939	120,615,833	919,679,064
Chi phí khác			.		4,230,512	
Chi phí khác không hợp lý			62,525,534	716,283,939	116,385,321	919,679,064
13. Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40		(35,244,906)	(699,623,426)	(70,607,932)	(903,018,551)



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2025	Quý IV năm 2024	Lũy kế 12 tháng năm 25	Lũy kế 12 tháng năm 24
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)	(4)	(4)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế ( 50 = 30 + 40 )	50		4,619,660,308	11,413,642,347	25,779,943,013	26,391,572,755
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VI.30	982,012,694	1,274,563,558	5,316,409,140	5,618,673,939
16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế ( 60 = 50 - 51 - 52 )	60		3,637,647,614	10,139,078,789	20,463,533,873	20,772,898,816

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*[Signature]*

Đỗ Minh Tâm

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*[Signature]*

Phạm Thu Hà

Hà nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

Tổng giám đốc  
(Ký tên, đóng dấu)  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
SƠN TÔNG HỢP  
HÀ NỘI  
H. THANH RI

Nguyễn Ngọc Anh



# **LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

*Mẫu B 03 - DN (Ban hành theo Thông tư số 200 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

Chỉ tiêu	Mã	Th. minh	12/31/2025	12/31/2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		477,635,491,615	458,266,962,798
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(399,364,200,409)	(397,782,771,477)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(34,101,760,184)	(35,045,545,372)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		0	0
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4,962,096,116)	(5,706,108,979)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2,379,009,575	2,757,688,443
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(34,919,247,577)	(15,071,947,555)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6,667,196,904</b>	<b>7,418,277,858</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(258,871,256)	(902,505,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(149,000,000,000)	(176,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		143,000,000,000	177,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			3,135,840,981
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6,258,871,256)</b>	<b>3,233,335,981</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		0	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18,181,818,486)	(13,256,420,916)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(18,181,818,486)</b>	<b>(13,256,420,916)</b>

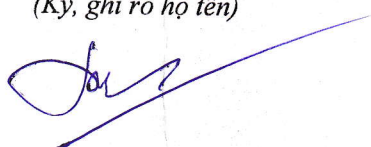


Chỉ tiêu	Mã	Th. minh	12/31/2025	12/31/2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(17,773,492,838)	(2,604,807,077)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		63,111,757,334	65,716,564,411
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VII.34	45,338,264,496	63,111,757,334

Hà Nội, Ngày 16 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đỗ Minh Tâm

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thu Hà

Tổng Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘI

Thôn Vãn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
QUÝ IV NĂM 2025

Số hiệu	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phát sinh trong		Số còn phải nộp cuối kỳ
			Số phải nộp	Số đã nộp	
1	2	3	4	5	6
333	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
33311	Thuế GTGT đầu ra	685,726,360	8,918,203,663	9,603,930,023	-
33312	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	800,553,096	800,553,096	-
3332	Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
3333	Thuế xuất, nhập khẩu	-	112,755,094	112,755,094	-
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,977,254,228	982,012,694	1,378,768,242	1,580,498,680
3335	Thuế thu nhập cá nhân	50,400,000	198,658,607	108,955,940	140,102,667
3336	Thuế tài nguyên	(12,800)			(12,800)
3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	285,658,247	(457,598,995)	1,169,557,298	(1,341,498,046)
3338	Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	9,123,823	77,809,588	77,809,588	9,123,823
3339	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	11,188,341	11,188,341	-
	<b>Tổng cộng/Total</b>	<b>3,008,149,858</b>	<b>10,643,582,088</b>	<b>13,263,517,622</b>	<b>388,214,324</b>

Người lập biểu



Đỗ Minh Tâm

Kế toán trưởng



Phạm Thu Hà

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Anh



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP.

##### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN.

Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100103619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25 tháng 6 năm 2020.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HANOI SYNTHETIC PAINT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: HASYNPAINTCO.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 25/6/2020, vốn điều lệ của Công ty là 120.270.860.000 VND (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UPCOM với mã HSP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: 237 người (tại ngày 31/12/2024 là: 243 người).

##### 1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Gồm có: Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tư vấn, gia công, dịch vụ kỹ thuật liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón sinh học
- (Không bao gồm những ngành, nghề mà Pháp luật cấm kinh doanh và chỉ kinh doanh sau khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Sản xuất và kinh doanh sơn...

##### 1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Mẫu số B09 – DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### 2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ được Công ty sử dụng trong kế toán và trình bày trên Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam.

### 2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập tại ngày 31/12/2025.

### 2.4 HỆ THỐNG VÀ HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Hình thức sổ kế toán được Công ty áp dụng là Nhật ký chung.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

### 3.1 THAY ĐỔI TRONG CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2025 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09 – DN**

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200, Công ty cũng đã phân loại lại một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của kỳ này.

Công ty đã thực hiện hạch toán và lập báo cáo tài chính theo đúng các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

#### 3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.3 GIẢ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định là Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phê duyệt và phát hành Báo cáo tài chính này, không có dữ kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

#### 3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư và không có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### 3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### 3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### 3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	04 - 25
- Máy móc, thiết bị	04 - 08
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 10

#### 3.8 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### 3.9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

*Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay*



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 3.10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là Nợ phải trả khi có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

#### 3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09 – DN**

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – " Doanh thu và thu nhập khác".

**3.12. Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng hàng khác.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**4. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****4.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền mặt tại quỹ	3.724.322.989	6.967.697.177
<b><i>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn</i></b>	<b>41.613.941.507</b>	<b>56.144.060.157</b>
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng) gửi tại		
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Láng Hạ		27.000.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Vãn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09 – DN**

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - CN Đông Đô

Cộng

45.338.264.496- 90.111.757.334**4.2 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Công Ty TNHH Công Nghiệp Chính Xác Việt Nam 1	771.502.930	846.767.300
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN ĐẠT	1.052.181.999	-
Công Ty HONDA Việt Nam	7.735.168.015	10.486.341.210
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BÌNH LÂM	662.578.645	2.834.961.559
Công ty CP Nhựa và cơ khí Hải Phòng	123.446.074	2.721.578.156
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ LẮP MÁY VIỆT NAM	672.098.000	
CÔNG TY TNHH THÁI HUY KHANG	487.373.583	
Các khách hàng khác	4.816.344.702	6.579.863.530
Cộng	<u>16.320.693.948</u>	<u>23.469.511.755</u>

**4.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Trả trước ngắn hạn cho người bán		-
Công ty TNHH Kỹ Thuật GREENTECH VINA	40.500.000	
Công ty TNHH TM và dịch vụ in ấn Quang Vinh		24.300.000
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ KIM LOẠI VIỆT NAM	144.168.454	
Công ty TNHH Thái Thông Hưng Yên	103.915.916	
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	116.840.630	153.436.897

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B09 – DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**Cộng****405.425.000****177.736.897****4.4 HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2025</b>	<b>31/12/2024</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng hóa		140.000.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	54.768.701.320	38.469.967.319	-
Thành Phẩm	30.233.065.357	30.443.658.422	-
<b>Cộng</b>	<b>85.001.766.677</b>	<b>69.053.625.741</b>	

**4,5****TÀI SẢN CỐ ĐỊNH****4.5.1 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>TSCĐ hữu hình khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	23.282.105.245	47.366.008.849	14.054.568.797	14.123.788.767	98.826.471.658
- Mua trong năm	573.509.146	518.500.000	2.289.408.000	85.537.037	3.466.954.183
- Đầu tư XDCB hoàn thành					0
- Tăng khác (phân loại lại)					0
- Giảm khác (Phân loại lại)		1.184.311.800	268.000.000		1.452.311.800
Số dư cuối kỳ	23.855.614.391	46.700.197.049	16.075.976.797	14.209.325.804	100.841.114.041



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B09 – DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	20.923.741.146	46.336.783.452	9.237.749.461	13.596.891.786	90.095.165.845
- Khấu hao trong năm	593.015.979	285.862.247	1.492.677.151	126.835.452	2.498.390.829
- Tăng khác					0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					0
- Thanh lý, nhượng bán		1.184.311.800	268.000.000		1.452.311.800
- Giảm khác					0
Số dư cuối năm	21.516.757.125	46.622.645.699	10.462.426.612	13.723.727.238	91.141.244.874
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	2.358.364.099	1.029.225.397	4.816.819.336	526.896.981	8.731.305.813
- Tại ngày 31/12/2025	2.338.857.266	77.551.350	5.613.550.185	485.598.566	8.515.557.367

**4.5.2- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	17.261.158.686	1.470.990.625	0	0	18.732.149.311
- Mua trong năm					
- Giảm trong năm					
Số dư cuối năm	17.261.158.686	1.470.990.625	0	0	18.732.149.311
Giá trị hao mòn lũy kế					

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09 – DN**

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

Số dư đầu năm	7.547.207.460	888.991.900	0	0	8.436.199.360
- Khấu hao trong năm	467.603.388	268.155.660			735.759.048
- Giảm trong năm					
Số dư cuối năm	8.014.810.848	1.157.147.560	0	0	917.195.8408
<b>Giá trị còn lại</b>					
- Tại ngày đầu năm	9.713.951.226	581.998.725	0	0	10.295.949.951
- Tại ngày 31/12/2025	9.246.347.838	313.843.065	0	0	9.560.190.903

**4.6 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025		31/12/2024	
	Book value	Repayable	Book value	Repayable
	VND	amuont VND	VND	amuont VND
<b>Short-term</b>				
Công ty TNHH Thương mại Hạnh Đức	1.550.835.000	1.550.835.000	0	0
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÀ ANH PHÁT	3.154.655.203	3.154.655.203	206.193.680	206.193.680
Công ty TNHH Thương Mại Tổng Hợp Mega Việt Nam	0	0	1.073.600.000	1.073.600.000
Công ty TNHH A.D.V	0	0	3.350.309.600	3.350.309.600
Phải trả khách hàng khác	1.983.023.814	1.983.023.814	3.206.050.758	3.206.050.758
<b>Total</b>	<b>6.688.514.017</b>	<b>6.688.514.017</b>	<b>7.836.154.038</b>	<b>7.836.154.038</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09 – DN**

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**4.7 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGẮN HẠN</b>		
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN ĐẠT	-	840.027.392
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại và Dịch Vụ Nam Hải	262.468.776	329.802.615
CÔNG TY TNHH MTV TRUNG HỒNG NINH THUẬN	58.212.081	67.997.736
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠT THÀNH PHÁT	58.267.912	246.224.926
CÔNG TY CP DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VẠN AN	267.462.660	146.987.682
Công Ty TNHH Đầu Tư và Sản Xuất Hưng Thịnh	54.542.329	118.186.623
Công Ty TNHH Hồng Đăng	2.553.828	354.520.850
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI THẮNG LONG HÀ NỘI	197.010.692	102.046.707
Công ty CP 216		810.322.584
Các khách hàng khác	1.856.280.374	455.003.147
<b>Cộng</b>	<u><u>2.756.798.652</u></u>	<u><u>3.471.120.263</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B09 – DN**(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với  
Báo cáo tài chính)Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-  
BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**4.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2025
	VND			VND
Thuế phải nộp		39.494.443.061	39.494.443.061	-
Thuế GTGT hàng NK		2.112.600.101	2.112.600.101	-
Thuế TNDN	1.226.185.656	5.316.409.140	4.962.096.116	1.580.498.680
Thuế nhập khẩu		348.939.667	348.939.667	-
Thuế thu nhập cá nhân		1.120.374.729	980.272.062	140.102.667
Thuế tài nguyên		118.400	131.200	(12.800)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		2.063.889.330	3.405.387.376	(1.341.498.046)
Các loại thuế và lệ phí khác	9.123.823	294.473.858	294.473.858	9.123.823
<b>Cộng</b>	<b>1.235.309.479</b>	<b>50.751.248.286</b>	<b>51.598.343.441</b>	<b>388.214.324</b>

**4.9 PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>NGẮN HẠN</b>		
- Kinh phí công đoàn	2 404 747 930	2 363 085 130
- Phải trả CBCNV	7.398.341.370	5.385.425.417
- Phải trả khác	1.942.323.359	4.453.223.878
<b>Cộng</b>	<b>11 745 412 659</b>	<b>12 201 734 425</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B09 – DN**(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với  
Báo cáo tài chính)Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-  
BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**25- Vốn chủ sở  
hữu**

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối và các quỹ	Cộng
A	1	2	3	3	4	7	9
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>120.270.860.000</b>	<b>14.060.000.000</b>	<b>38.151.435.908</b>	<b>0</b>	<b>3.290.158.674</b>	<b>88.691.534</b>	<b>175.861.146.116</b>
- Tăng vốn trong năm trước				1.044.361.588		20.772.898.816	21.817.260.404
- Lãi trong năm trước						20.772.898.816	20.772.898.816
- Trích lập quỹ							0
- Giảm vốn trong năm nay							
- Chia cổ tức							
- Trích lập các quỹ							
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>120.270.860.000</b>	<b>14.060.000.000</b>	<b>38.151.435.908</b>	<b>1.044.361.588</b>	<b>3.290.158.674</b>	<b>20.861.590.350</b>	<b>196.634.044.932</b>
- Tăng vốn trong năm nay						20.463.533.873	20.463.533.873
- Lãi trong năm nay						20.463.533.873	20.463.533.873
- Trích lập quỹ							0
- Giảm vốn trong năm nay						20.850.977.336	20.850.977.336
- Chia cổ tức						18.762.254.160	18.762.254.160
- Trích lập các quỹ						2.088.723.176	2.088.723.176
<b>Số dư tại 31/12/2025</b>	<b>120.270.860.000</b>	<b>14.060.000.000</b>	<b>38.151.435.908</b>	<b>1.044.361.588</b>	<b>3.290.158.674</b>	<b>20.474.146.887</b>	<b>197.290.963.057</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09 – DN**

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm****5.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	463 229 817 881	417 500 932 846
Các khoản giảm trừ doanh thu	30 172 928 209	167 068 515
<b>Cộng</b>	<b>433.056.889.672</b>	<b>417.333.864.331</b>

**5.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn hàng bán	360.648.449.325	345.764.918.706
<b>Cộng</b>	<b>360.648.449.325</b>	<b>345.764.918.706</b>

**5.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.790.872.155	2.557.221.803
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	10.613.015
<b>Cộng</b>	<b>2.790.872.155</b>	<b>2.567.834.818</b>

**5.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi vay	3.747.672.957	2.426.597.473
<b>Cộng</b>	<b>3.747.672.957</b>	<b>2.426.597.473</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09 – DN**

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**5.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân viên bán hàng	17 333 114 362	14 413 730 268
- Chi phí khấu hao	7 241 991 508	6 806 126 927
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	42 929 760	33 820 632
- Chi phí bằng tiền khác	10 048 193 094	7 573 782 709
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>28 733 135 911</b>	<b>29 769 333 493</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	13 832 991 066	14 513 394 273
- Chi phí dụng cụ đồ dùng	393 668 892	329 407 475
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2 623 673 333	1 668 529 862
- Thuế, phí, lệ phí	1 469 774 213	2 238 430 994
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10 413 028 407	11 019 570 889
- Chi phí bằng tiền khác		
<b>Total</b>	<b>46.066.250.273</b>	<b>44.183.063.761</b>

**5.6 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	333 122 789 000	323 921 427 345
Chi phí nhân công	23 584 361 189	13 726 549 309
Chi phí khấu hao TSCĐ	576 655 911	574 635 681
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	5 948 490 219	14 356 226 080
<b>Total</b>	<b>363.232.296.319</b>	<b>352.578.838.415</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09 – DN**

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**5.7 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25 779 943 013	26 391 572 755
Các khoản chi phí không được khấu trừ	802 102 686	- 1 808 277 565
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế		10 613 015
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		10 613 015
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	26 582 045 699	24 572 682 175
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.316.409.140	4.914.536.435

**6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các chính sách kế toán chủ yếu.

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản chính và công nợ tài chính.

Người lập

Đỗ Minh Tâm

Kế toán trưởng

Phạm Thu Hà

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Anh



